

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Thử tin thương mại - MH1104258

Mã lớp học phần: 25111MH110425801 Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Đỗ Thị Ngọc Thịnh - (04135)

Ngày thi: 13/10/2025 Giờ thi: 7h30 Phòng thi: A1.8

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410160021	Nguyễn Phan Mỹ Anh	19/01/2006	C26TM1	<i>AE</i>	10	Nuôi	
2	2410160013	Huỳnh Lê Ngọc Tâm	11/05/2006	C26TM1	<i>Doc</i>	9.0	Chín	
3	2410160028	Huỳnh Ngọc Khải	17/07/2006	C26TM1	<i>A</i>	9.1	Chín phẩy một	
4	2410160010	Phạm Thị Lệ	18/03/2006	C26TM1	<i>Hoa</i>	9.0	Chín	
5	2410160011	Phạm Văn	17/05/2000	C26TM1	<i>Pha</i>	9.6	Chín phẩy sáu	
6	2410160012	Nguyễn Minh	07/09/2006	C26TM1	<i>h</i>	7.4	Bảy phẩy tư	
7	2410160004	Phan Nhật	10/7/2004	C26TM1	<i>Huy</i>	10	Mười	
8	2410160022	Lê Ngọc	30/01/2006	C26TM1	<i>g</i>	8.9	Tám phẩy chín	<i>phát</i>
9	2410160026	Nguyễn Thị Quỳnh	02/05/2006	C26TM1	<i>qlm</i>	7.8	Bảy phẩy tám	
10	2410160027	Nguyễn Đăng	27/08/2006	C26TM1	<i>Khô</i>	6.8	Sáu phẩy tám	
11	2410160016	Đào Thị Ngọc	28/12/2006	C26TM1	<i>Loan</i>	8.8	Tám phẩy tám	
12	2410160019	Dương Hiếu	04/04/2000	C26TM1	<i>huu</i>	8.8	Tám phẩy tám	
13	2410160015	Phạm Trần Thảo	16/02/2006	C26TM1	<i>Thao</i>	9.0	Chín	
14	2410160002	Nguyễn Gia Ái	20/02/2006	C26TM1	<i>ggh</i>	9.6	Chín phẩy sáu	
15	2410160020	Đào Thị Hồng	23/08/2006	C26TM1	<i>Ru</i>	7.5	Bảy rưỡi	
16	2410160003	Tổng Đức	25/11/2002	C26TM1	<i>D</i>	10	Mười	
17	2410160001	Trần Lâm	11/11/2005	C26TM1	<i>E</i>	8.3	Tám phẩy ba	
18	2410160005	Trần Huỳnh	26/10/2005	C26TM1	<i>phong</i>	5.5	Năm rưỡi	
19	2410160008	Huỳnh Thị Thoại	30/11/2006	C26TM1	<i>cyu</i>	9.6	Chín phẩy sáu	
20	2410160023	Nguyễn Như	11/11/2006	C26TM1	<i>Lyuu</i>	9.3	Chín phẩy ba	
21	2410100014	Nguyễn Lê Băng	20/04/2006	C26TM1	<i>lyu</i>	9.2	Chín phẩy hai	
22	2410160007	Lâm Trung	10/07/1994	C26TM1	<i>Thi</i>	10	Mười	
23	2410130007	Nguyễn Hoàng Diễm	06/11/2006	C26TM1	<i>Thi</i>	9.4	Chín phẩy tư	
24	2410160014	Trương Thảo	26/04/2006	C26TM1	<i>Thi</i>	9.4	Chín phẩy tư	
25	2410160025	Nguyễn Trần Hải	25/02/2006	C26TM1	<i>huc</i>	8.9	Tám phẩy chín	

- Lưu ý:**
- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
 - Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 25 vắng thi: 00. Số bài thi: 25 / 25.

Ngày 14 tháng 10 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Trần Thị Hoa

Ngày 13 tháng 10 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Ngọc Trinh

Nguyễn Thị Ngọc Trinh

TRƯỞNG
PI
BÀ

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

Môn học : Thư tín thương mại - MH1104258

Mã lớp học phần: 25111MH110425801 Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Đỗ Thị Ngọc Thịnh - (04135)

Ngày thi: 20/10/2025 Giờ thi: 7h30 Phòng thi: A1.8

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410160021	Nguyễn Phan Mỹ	Anh	19/01/2006	C26TM1	<i>AN</i>	10	Mười	
2	2410160013	Huỳnh Lê Ngọc Tâm	Đoan	11/05/2006	C26TM1	<i>Doan</i>	9.7	chín phẩy bảy	
3	2410160028	Huỳnh Ngọc Khải	Hân	17/07/2006	C26TM1	<i>h</i>	9.4	chín phẩy tư	
4	2410160010	Phạm Thị Lệ	Hoa	18/03/2006	C26TM1	<i>Hoa</i>	9.0	chín	
5	2410160011	Phạm Văn	Hoàng	17/05/2000	C26TM1	<i>Phu</i>	9.6	chín phẩy sáu	
6	2410160012	Nguyễn Minh	Huy	07/09/2006	C26TM1	<i>h</i>	7.5	bảy rưỡi	
7	2410160004	Phan Nhật	Huy	10/7/2004	C26TM1	<i>Huy</i>	10	Mười	
8	2410160022	Lê Ngọc	Huỳnh	30/01/2006	C26TM1	<i>g</i>	9.9	chín phẩy chín	
9	2410160016	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	02/05/2006	C26TM1	<i>quynh</i>	8.0	Tám	
10	2410160027	Nguyễn Đăng	Khôi	27/08/2006	C26TM1	<i>kh</i>	7.3	bảy phẩy ba	
11	2410160016	Đào Thị Ngọc	Loan	28/12/2006	C26TM1	<i>loan</i>	9.4	chín phẩy tư	
12	2410160019	Dương Hiếu	Ly	04/04/2000	C26TM1	<i>thi</i>	9.9	chín phẩy chín	
13	2410160015	Phạm Trần Thảo	My	16/02/2006	C26TM1	<i>thao</i>	9.6	chín phẩy sáu	
14	2410160002	Nguyễn Gia Ái	Nghi	20/02/2006	C26TM1	<i>ng</i>	10	Mười	
15	2410160020	Đào Thị Hồng	Ngọc	23/08/2006	C26TM1	<i>hu</i>	8.9	tám phẩy chín	
16	2410160003	Tổng Đức	Phát	25/11/2002	C26TM1	<i>l</i>	10	Mười	
17	2410160001	Trần Lâm	Phát	11/11/2005	C26TM1	<i>l</i>	9.1	chín phẩy một	
18	2410160005	Trần Huỳnh	Phong	26/10/2005	C26TM1	<i>phong</i>	7.2	bảy phẩy hai	
19	2410160008	Huỳnh Thị Thoại	Quỳnh	30/11/2006	C26TM1	<i>quynh</i>	10	Mười	
20	2410160023	Nguyễn Như	Quỳnh	11/11/2006	C26TM1	<i>ng</i>	10	Mười	
21	2410100014	Nguyễn Lê Băng	Tâm	20/04/2006	C26TM1	<i>l</i>	10	Mười	
22	2410160007	Lâm Trung	Thành	10/07/1994	C26TM1	<i>th</i>	10	Mười	
23	2410130007	Nguyễn Hoàng Diễm	Thi	06/11/2006	C26TM1	<i>th</i>	9.6	chín phẩy sáu	
24	2410160014	Trương Thảo	Vy	26/04/2006	C26TM1	<i>th</i>	9.4	chín phẩy tư	
25	2410160025	Nguyễn Trần Hải	Yến	25/02/2006	C26TM1	<i>hu</i>	9.7	chín phẩy bảy	

- Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 25 vắng thi: 00. Số bài thi: 25 / 25.

Ngày 24 tháng 10 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

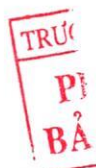

Trần Phú Hòa

Ngày 20 tháng 10 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Hồ Thị Ngọc Trinh





BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : **Thư tín thương mại - MH1104258**

Mã lớp học phần: **25111MH110425801** Số tín chỉ: **4**

Giảng viên giảng dạy: **Đỗ Thị Ngọc Thịnh - (04135)**

Ngày thi: **13/10/2025** Giờ thi: **7h30** Phòng thi: **A1.8**

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410160047	Nguyễn Phạm Gia	Bảo	04/02/2005	C26TM2	Bao	8.8	Tám phẩy tám
2	2410160053	Trần Gia	Bảo	03/01/2006	C26TM2	B	7.0	bảy
3	2410160029	Dương Tiến	Đạt	27/04/2006	C26TM2	D	9.1	chín phẩy một
4	2410160051	Võ Tấn	Hào	26/09/2005	C26TM2	H	4.8	bốn phẩy tám
5	2410160044	Nguyễn Huy	Hoàng	15/12/2005	C26TM2	H	6.8	sáu phẩy tám
6	2410160050	Nguyễn Thị Lệ	Hồng	22/11/2004	C26TM2	L	7.4	bảy phẩy tư
7	2410160032	Đỗ Nhật	Huy	06/04/2005	C26TM2	N	10	Mười
8	2410160038	Nguyễn Lê Đăng	Khoa	15/07/2004	C26TM2	K	9.6	chín phẩy sáu
9	2410160052	Nguyễn Thành	Lâm	25/08/2003	C26TM2	L	7.6	bảy phẩy sáu
10	2410160036	Nguyễn Hoàng Quỳnh	Như	03/12/2006	C26TM2	N	8.3	tám phẩy ba
11	2410160031	Huỳnh Thị Thanh	Thảo	16/06/2006	C26TM2	T	8.4	tám phẩy tư
12	2410160034	Nguyễn Hoàng	Thông	01/02/2006	C26TM2	T	8.3	tám phẩy ba
13	2410160030	Lê Anh	Thư	19/08/2006	C26TM2	A	8.6	tám phẩy sáu
14	2410160033	Trần Thị Cẩm	Thy	01/06/2006	C26TM2	T	8.4	tám phẩy tư
15	2410160046	Hồ Nguyễn Kiều	Trinh	13/11/2006	C26TM2	T	7.1	bảy phẩy một

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : **15** vắng thi: **00** . Số bài thi: **15** / **15** .

Ngày **14** tháng **10** năm **2025**

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày **13** tháng **10** năm **2025**

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Đỗ Thị Ngọc Thịnh

TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
**PHÒNG KHẢO THÍ VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG**

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Thư tín thương mại - MH1104258

Mã lớp học phần: 25111MH110425801 Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Đỗ Thị Ngọc Thịnh - (04135)

Ngày thi: 20/10/2025 Giờ thi: 7h30 Phòng thi: A18

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410160047	Nguyễn Phạm Gia	Bảo	04/02/2005	C26TM2	<i>Bao</i>	9.4	chín phẩy tư	
2	2410160053	Trần Gia	Bảo	03/01/2006	C26TM2	<i>B</i>	7.5	Bảy rưỡi	
3	2410160029	Dương Tiến	Đạt	27/04/2006	C26TM2	<i>T</i>	9.9	chín phẩy chín	
4	2410160051	Võ Tấn	Hào	26/09/2005	C26TM2	<i>H</i>	7.2	Bảy phẩy hai	
5	2410160044	Nguyễn Huy	Hoàng	15/12/2005	C26TM2	<i>H</i>	6.8	Sáu phẩy tám	
6	2410160050	Nguyễn Thị Lệ	Hồng	22/11/2004	C26TM2	<i>L</i>	8.7	Tám phẩy bảy	
7	2410160032	Đỗ Nhật	Huy	06/04/2005	C26TM2	<i>H</i>	10	Mười	
8	2410160038	Nguyễn Lê Đăng	Khoa	15/07/2004	C26TM2	<i>K</i>	10	Mười	
9	2410160052	Nguyễn Thành	Lâm	25/08/2003	C26TM2	<i>L</i>	7.4	Bảy phẩy tư	
10	2410160036	Nguyễn Hoàng Quỳnh	Như	03/12/2006	C26TM2	<i>N</i>	8.7	Tám phẩy bảy	
11	2410160031	Huỳnh Thị Thanh	Thảo	16/06/2006	C26TM2	<i>T</i>	10	Mười	
12	2410160034	Nguyễn Hoàng	Thông	01/02/2006	C26TM2	<i>T</i>	8.0	Tám	
13	2410160030	Lê Anh	Thư	19/08/2006	C26TM2	<i>T</i>	9.4	chín phẩy tư	
14	2410160033	Trần Thị Cẩm	Thy	01/06/2006	C26TM2	<i>T</i>	9.4	chín phẩy tư	
15	2410160046	Hồ Nguyễn Kiều	Trinh	13/11/2006	C26TM2	<i>T</i>	9.6	chín phẩy sáu	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 15 vắng thi: 00 . Số bài thi: 15 / 15 .

Ngày 21 tháng 10 năm 2025

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ban Phú Hoa

Ngày 20 tháng 10 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Đỗ Thị Ngọc Thịnh

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ &
 TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ TP.HCM
 PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
 VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Thư tín thương mại - MH1104258

Giám thị 1: Châu Lê Sơn

Ký tên: 

Mã lớp học phần: 25111MH110425801 Số tín chỉ: 4

Giám thị 2: Lê Anh Thy Thy

Ký tên: 

Giảng viên giảng dạy: Đỗ Thị Ngọc Thịnh

Giám thị 3: _____

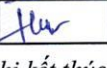
Ký tên: _____

Ngày thi: 13/11/2025 Giờ thi: 07h45 Phòng thi: A1.8

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410160021	Nguyễn Phan Mỹ Anh	19/01/2006		1	9.5	chín rưỡi	C26TM1	
2	2410160047	Nguyễn Phạm Gia Bảo	04/02/2005		1	8.6	tám phẩy sáu	C26TM2	
3	2410160053	Trần Gia Bảo	03/01/2006		1	7.2	bảy phẩy hai	C26TM2	
4	2410160029	Dương Tiến Đạt	27/04/2006		1	8.8	tám phẩy tám	C26TM2	
5	2410160013	Huỳnh Lê Ngọc Tâm	11/05/2006		1	9.0	chín	C26TM1	
6	2410160051	Võ Tấn Hào	26/09/2005		1	6.0	sáu	C26TM2	
7	2410160028	Huỳnh Ngọc Khải Hân	17/07/2006		1	5.3	năm phẩy ba	C26TM1	
8	2410160010	Phạm Thị Lệ Hoa	18/03/2006		1	6.7	sáu phẩy bảy	C26TM1	
9	2410160044	Nguyễn Huy Hoàng	15/12/2005		1	5.4	năm phẩy tư	C26TM2	
10	2410160011	Phạm Văn Hoàng	17/05/2000		1	8.7	tám phẩy bảy	C26TM1	
11	2410160032	Đỗ Nhật Huy	06/04/2005		1	9.5	chín rưỡi	C26TM2	
12	2410160012	Nguyễn Minh Huy	07/09/2006		1	3.0	ba	C26TM1	
13	2410160004	Phan Nhật Huy	10/7/2004		1	9.5	chín rưỡi	C26TM1	
14	2410160022	Lê Ngọc Huỳnh	30/01/2006		1	9.0	chín	C26TM1	
15	2410160026	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	02/05/2006		1	6.5	sáu rưỡi	C26TM1	
16	2410160038	Nguyễn Lê Đăng Khoa	15/07/2004		1	9.0	chín	C26TM2	
17	2410160052	Nguyễn Thành Lâm	25/08/2003		1	8.0	tám	C26TM2	
18	2410160016	Đào Thị Ngọc Loan	28/12/2006		1	8.8	tám phẩy tám	C26TM1	
19	2410160019	Dương Hiểu Ly	04/04/2000		1	8.7	tám phẩy bảy	C26TM1	
20	2410160015	Phạm Trần Thảo My	16/02/2006		1	7.0	bảy	C26TM1	
21	2410160002	Nguyễn Gia Ái Nghi	20/02/2006		1	9.5	chín rưỡi	C26TM1	
22	2410160020	Đào Thị Hồng Ngọc	23/08/2006		1	8.7	tám phẩy bảy	C26TM1	
23	2410160036	Nguyễn Hoàng Quỳnh Như	03/12/2006		1	8.6	tám phẩy sáu	C26TM2	
24	2410160003	Tổng Đức Phát	25/11/2002		1	7.6	bảy phẩy sáu	C26TM1	
25	2410160001	Trần Lâm Phát	11/11/2005		1	8.0	tám	C26TM1	
26	2410160005	Trần Huỳnh Phong	26/10/2005		1	7.2	bảy phẩy hai	C26TM1	
27	2410160008	Huỳnh Thị Thoại Uyên	30/11/2006		1	9.0	chín	C26TM1	
28	2410160023	Nguyễn Như Quỳnh	11/11/2006		1	8.9	tám phẩy chín	C26TM1	
29	2410100014	Nguyễn Lê Băng Tâm	20/04/2006		1	9.1	chín phẩy một	C26TM1	
30	2410160007	Lâm Trung Thành	10/07/1994		1	9.5	chín rưỡi	C26TM1	
31	2410160031	Huỳnh Thị Thanh Thảo	16/06/2006		1	8.9	tám phẩy chín	C26TM2	
32	2410130007	Nguyễn Hoàng Diễm Thi	06/11/2006		1	9.3	chín phẩy ba	C26TM1	
33	2410160034	Nguyễn Hoàng Thông	01/02/2006		1	7.7	bảy phẩy bảy	C26TM2	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
34	2410160030	Lê Anh Thư	19/08/2006		1	9.1	chín phẩy một	C26TM2	
35	2410160046	Hồ Nguyễn Kiều Trinh	13/11/2006		1	9.2	chín phẩy hai	C26TM2	
36	2410160014	Trương Thảo Vy	26/04/2006		1	8.2	tám phẩy hai	C26TM1	
37	2410160025	Nguyễn Trần Hải Yến	25/02/2006		1	6.5	sáu rưỡi	C26TM1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 37 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 37 / 37 .

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 16 tháng 11 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hoa.

Ngày 15 tháng 11 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Đỗ Thị Ngọc Trinh

